



BẢN TIN

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Thuế | Đầu tư | Ngân hàng | Tài chính doanh nghiệp | Kế toán | Khác

Số 101

Tháng 05/2009

Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC cung cấp những thông tin mới nhất về thuế, đầu tư, ngân hàng v.v tại Việt Nam cho các khách hàng thường xuyên của AAC và bạn đọc khác có nhu cầu. Tài liệu này phát hành hàng tháng bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh, và gửi đến bạn đọc thông qua Bưu điện, Fax hoặc bằng E-mail.



□

Từ viết tắt

BTC

Bộ Tài chính

BCT

Bộ Công thương

BLĐTBXH

Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội

BXD

Bộ Xây dựng

NHNN

Ngân hàng Nhà nước

TCT

Tổng Cục thuế

TCHQ

Tổng Cục Hải quan

Thuế GTGT

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế TNDN

Thuế thu nhập doanh nghiệp

NĐ

Nghị định

TT

Thông tư

QĐ

Quyết định

CV

Công văn

Nội dung

Phát hành ngày 11/06/2009

Trang

Tóm tắt nội dung các văn bản quan trọng

| | |
|--|-------|
| 1. Thuế Giá trị gia tăng | 2-3 |
| - Các quy định chung | 2-3 |
| - Thuế suất | 3 |
| - Hoá đơn chứng từ | 3 |
| 2. Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 4 |
| 3. Thuế Thu nhập cá nhân | 4-5 |
| 4. Thuế khác, phí, lệ phí | 5 |
| 5. Xuất nhập khẩu | 5-6 |
| 7. Lao động – Tiền lương | 6-8 |
| 8. Ngân hàng | 8-9 |
| 9. Chứng khoán | 9 |
| 10. Xây dựng | 10 |
| 11. Các quy định khác | 10-12 |
| Tỷ giá liên ngân hàng giữa VND và USD trong tháng 05/2009 | 13 |
| Danh mục các văn bản mới trong tháng 04 và tháng 05/2009 | 13 |

Tóm tắt nội dung các văn bản quan trọng

THUẾ GTGT

Quy định chung

Bổ sung danh mục hàng hóa được giảm 50% thuế suất thuế GTGT: Ngày 12/05/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 91/2009/TT-BTC, ban hành Danh mục bổ sung một số mặt hàng được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT theo Thông tư số 18/2009/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng theo Danh mục hàng hoá của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Việc giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT đối với các mặt hàng trong Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 18/2009/TT-BTC và Danh mục bổ sung quy định tại Thông tư này được áp dụng thống nhất tại khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công và kinh doanh thương mại.

Phế liệu, phế phẩm được thu hồi để tái chế, sử dụng lại khi bán ra áp dụng mức thuế suất thuế GTGT theo thuế suất của mặt hàng đó.

Những mặt hàng thuộc đối tượng giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT theo hướng dẫn tại Quyết định 16/2009/QĐ-TTg thì phế liệu, phế phẩm thu hồi được khi bán ra cũng thuộc đối tượng giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2009 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2009. Các doanh nghiệp đã nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu mà đã kê khai, khấu trừ số thuế này với cơ quan thuế thì không điều chỉnh lại; nếu đã nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu mà người nhập khẩu chưa kê khai, khấu trừ số thuế này với cơ quan thuế thì người nhập khẩu được lựa chọn không điều chỉnh lại và kê khai, khấu trừ toàn bộ số thuế GTGT hàng nhập khẩu đã nộp, hoặc đề nghị cơ quan hải quan xác nhận số tiền thuế nộp thừa để cơ quan thuế thực hiện hoàn trả theo quy định.

Đối với các lô hàng được bán ra từ ngày 1/2/2009 mà cơ sở kinh doanh bán hàng chưa ghi giảm 50% thuế suất thuế GTGT trên hoá đơn bán hàng, nếu bên mua yêu cầu bên bán điều chỉnh lại hoá đơn để được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT, bên bán và bên mua phải lập biên bản hoặc có thoả thuận bằng văn bản, đồng thời bên bán lập hoá đơn điều chỉnh theo mức thuế suất được giảm 50%. Nếu bên mua không yêu cầu điều chỉnh lại hoá đơn để được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT, bên bán hàng phải kê khai, nộp thuế tính theo thuế suất 10% ghi trên hoá đơn; bên mua hàng được kê khai, khấu trừ thuế VAT của hàng hoá mua vào tính theo thuế suất 10% đã ghi trên hoá đơn theo quy định.

Trường hợp không xác định được người mua, cơ sở kinh doanh bán hàng không được lập hoá đơn điều chỉnh giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng và phải kê khai, nộp thuế theo thuế suất 10% ghi trên hoá đơn bán hàng.

Thuế GTGT đối với cơ sở kinh doanh bất động sản thu tiền theo tiến độ:

Các cơ sở kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng nhà, cơ sở hạ tầng đã thu tiền của khách hàng theo tiến độ trước ngày 01/01/2009 và đã kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào (hoặc hoàn thuế) đối với vật tư, hàng hóa, chi phí phục vụ hoạt động kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng nhà, cơ sở hạ tầng nhưng chưa kê khai doanh thu, chưa kê khai nộp thuế GTGT đầu ra trước ngày 01/01/2009 thì cơ sở kinh doanh phải lập hóa đơn GTGT, kê khai nộp thuế GTGT đối với số tiền đã thu được trước ngày 01/01/2009.

Trường hợp sang năm 2009 cơ sở kinh doanh vẫn tiếp tục thu tiền theo tiến độ thì cơ sở kinh doanh phải lập hóa đơn, kê khai nộp thuế GTGT tính trên toàn bộ số tiền đã thu được (bao gồm cả số tiền thu của khách hàng trước ngày 01/01/2009 và số tiền thu tiếp trong năm 2009).

Thời hạn kê khai thuế GTGT đối với số tiền đã thu của khách hàng theo tiến độ trước ngày 01/01/2009 chậm nhất không quá kỳ tính thuế tháng 8 năm 2009.

(CV số 6992/BTC-TCT ngày 18/05/2009)

Tiêu dùng nội bộ: Hàng hoá, dịch vụ tiêu dùng nội bộ là hàng hoá, dịch vụ do cơ sở kinh doanh xuất hoặc cung ứng sử dụng cho tiêu dùng của cơ sở kinh doanh, không bao gồm hàng hoá, dịch vụ sử dụng để tiếp tục quá trình sản xuất kinh doanh của cơ sở.

Căn cứ quy định trên, trường hợp xăng dầu do Công ty kinh doanh xăng dầu xuất dùng cho xe ô tô của Công ty để vận chuyển xăng dầu đi giao cho các cửa hàng bán lẻ, vận chuyển hàng của Công ty về kho hoặc đi tiêu thụ là tiếp tục quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty nên không phải xuất hoá đơn GTGT.

(CV số 1808/TCT-CS ngày 15/05/2009)

Điều kiện khấu trừ thuế GTGT: Từ ngày 01/01/2009, Cơ sở kinh doanh cung cấp văn phòng phẩm, hàng hoá phục vụ sinh hoạt hàng ngày cho doanh nghiệp chế xuất không cần phải có tờ khai hải quan và xác nhận của Ban quản lý Khu chế xuất, Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao, Khu kinh tế, Khu thương mại khi khấu trừ/hoàn thuế GTGT đầu vào. *(CV số 1688/TCT-CS ngày 07/05/2009)*

Thuế GTGT đối với hàng về đến cửa khẩu trước ngày 01/01/2009: Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải chuyên dùng, vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp thuộc đối tượng chịu thuế GTGT kể từ ngày 01/01/2009.

Trường hợp doanh nghiệp xuất trình hồ sơ chứng minh được hàng hóa đã về tới cửa khẩu trước ngày 01/01/2009 (ngày hàng hóa đến cửa khẩu là ngày ghi trên dấu của cơ quan hải quan đóng lên bản khai hàng hóa trong hồ sơ phương tiện vận tải qua cửa khẩu hoặc sổ theo dõi phương tiện vận tải), nhưng vì lý do khách quan (chờ xin xác nhận hệ thống máy móc đồng bộ của cơ quan có thẩm quyền, chờ hoàn tất bộ chứng từ thanh toán...) mà doanh nghiệp chưa đăng ký tờ khai hải quan thì tiếp tục thực hiện theo Thông tư số 32/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính, còn các trường hợp hàng về cửa khẩu sau 01/01/2009 thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính. **(CV số 6186/BTC-TCT ngày 29/04/2009)**

Hoàn thuế GTGT: Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, hoặc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động, nếu thời gian đầu tư từ 01 năm trở lên thì được hoàn thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ sử dụng cho đầu tư theo từng năm. Trường hợp, nếu số thuế GTGT lũy kế của hàng hoá, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư từ 200 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT.

Căn cứ hướng dẫn trên, trường hợp số thuế GTGT lũy kế của hàng hoá, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư từ 200 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế tại thời điểm là kỳ khai thuế có số thuế GTGT đầu vào từ 200 triệu đồng trở lên. **(CV số 1541/TCT-CS ngày 27/04/2009)**

Thuế suất

Thuế GTGT đối với sản phẩm gạo:

Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa qua chế biến hoặc chỉ qua sơ chế làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, tách hạt, cắt lát, ướp muối, bảo quản lạnh và các hình thức bảo quản thông thường khác ở khâu kinh doanh thương mại. Sản phẩm trồng trọt chưa qua chế bao gồm cả thóc, gạo, ngô, khoai, sắn, lúa mỳ, áp dụng thuế suất thuế GTGT 5%.

Căn cứ vào hướng dẫn nêu trên, gạo ở khâu kinh doanh thương mại thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 5%. **(CV số 6425/TCT-CS ngày 06/05/2009)**

Thuế suất thuế GTGT đối với hoạt động bốc xếp: Thuế suất thuế GTGT đối với phí xếp dỡ container tại cảng bốc hàng và cảng dỡ hàng đối với hàng hoá được vận chuyển bằng container (THC-Terminal Handling Charge) và phí vận chuyển hàng từ nhà máy về kho, bốc xếp hàng từ xe tải vào kho để kiểm đếm, dán nhãn, phân loại và bốc xếp hàng vào container, vận chuyển hàng từ kho đến cảng (gọi tắt là CFS: container freight station) từ ngày 01/01/2009 thuộc diện chịu thuế GTGT với thuế suất 10%.

Tại khoản 16 Điều 1 Thông tư số 13/2009/TT-BTC ngày 22/01/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện giảm thuế GTGT đối với một số hàng hoá, dịch vụ doanh nghiệp kinh doanh gặp khó khăn thì "Bốc xếp" thuộc diện được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT từ ngày 01/02/2009 đến hết ngày 31/12/2009.

Căn cứ hướng dẫn trên, từ ngày 01/02/2009 đến hết ngày 31/12/2009, phí THC và phí CFS nêu trên thuộc diện được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT. **(CV số 1574/TCT-CS ngày 28/04/2009)**

Thuế suất thuế GTGT đối với màn hình máy tính: Tại điểm 15 Điều 1 Thông tư số 13/2009/TT-BTC ngày 22/01/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT đối với một số hàng hóa thuộc nhóm áp dụng thuế suất 10% quy định tại điểm 3 mục II phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 bao gồm: "Máy xử lý dữ liệu tự động và các bộ phận, phụ tùng của máy (bao gồm cả máy vi tính các loại và các bộ phận của máy vi tính, máy in chuyên dùng cho máy vi tính), trừ bộ phận lưu giữ điện".

Căn cứ hướng dẫn nêu trên, mặt hàng màn hình vi tính và ổ đĩa vi tính áp dụng thuế suất 10% theo quy định tại điểm 3 mục II phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008, được giảm 50% mức thuế suất quy định theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2009/TT-BTC ngày 22/01/2009 của Bộ Tài chính.

(CV số 1435/TCT-CS ngày 20/04/2009)

Hóa đơn chứng từ

Hóa đơn GTGT đối với hàng tiêu dùng nội bộ: Đối với hàng hoá, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay tiền lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ thì phải lập hoá đơn GTGT (hoặc hoá đơn bán hàng), trên hoá đơn ghi đầy đủ các chi tiêu và tính thuế GTGT như hoá đơn xuất bán hàng hoá, dịch vụ cho khách hàng.

Trường hợp Doanh nghiệp tự xây dựng nhà xưởng, trụ sở làm việc hoặc tự sản xuất tàu vận tải thì sau khi quyết toán và đưa vào sử dụng, Doanh nghiệp phải lập hoá đơn GTGT (hoặc hoá đơn bán hàng), trên hoá đơn ghi đầy đủ các chi tiêu và tính thuế GTGT như hoá đơn xuất bán hàng hoá, dịch vụ cho khách hàng.

(CV số 1525/TCT-CS ngày 24/04/2009)

Hóa đơn thu phí ngân hàng tự in từ máy tính: Trường hợp các ngân hàng sử dụng chứng từ thanh toán thu phí dịch vụ ngân hàng in bằng máy vi tính nếu đã bổ sung thêm mã số thuế, số tiền dịch vụ, thuế GTGT và tổng số tiền thanh toán, ký hiệu, số chứng từ, chữ ký và đóng dấu theo quy định cũng được coi là hóa đơn GTGT. Các ngân hàng sử dụng chứng từ theo đúng nội dung quy định nêu trên thì không phải làm thủ tục đăng ký số lượng sử dụng với cơ quan thuế địa phương.

Căn cứ vào quy định trên thì chứng từ thu phí ngân hàng in từ máy tính được bổ sung đầy đủ các chi tiêu như trên được coi là hóa đơn GTGT để sử dụng làm căn cứ tính thuế. **(CV số 1380/TCT-CS ngày 16/04/2009)**

THUẾ TNDN

Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 58/2009/QĐ-TTg

Ngày 28/04/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 85/2009/TT- BTC, hướng dẫn thực hiện Quyết định số 58/2009/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm thực hiện chủ trương kích cầu đầu tư và tiêu dùng, ngăn chặn suy giảm kinh tế, tháo gỡ khó khăn đối với doanh nghiệp.

Theo đó, việc giảm 50% mức thu lệ phí trước bạ đối với xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) được áp dụng đối với hồ sơ kê khai lệ phí trước bạ nộp cho cơ quan thuế địa phương kể từ ngày 01/5/2009 đến hết ngày 31/12/2009, không phân biệt đăng ký lần đầu hay lần thứ 2 trở đi. Các xe ô tô thuộc diện này không bao gồm xe lam, xe ô tô thiết kế vừa chở người, vừa chở hàng.

Đối với các doanh nghiệp được hưởng ưu đãi giảm 30% thuế TNDN phải nộp của quý IV/2008 theo Quyết định 58/2009/QĐ-TTg, số thuế TNDN đối với phần thu nhập từ hoạt động được giảm thuế làm căn cứ xác định số thuế giảm, được xác định theo một trong hai cách: (1) theo kết quả hạch toán kinh doanh của doanh nghiệp hoặc (2) bằng tổng số thuế TNDN phải nộp của năm 2008 đối với phần thu nhập từ hoạt động được giảm thuế chia cho bốn. Trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định của pháp luật về thuế TNDN thì số thuế TNDN được giảm 30% được tính trên số thuế còn lại sau khi đã trừ đi số thuế TNDN được ưu đãi theo quy định.

Đối với các mặt hàng được giảm 50% thuế GTGT theo khoản 1 điều 1 của Quyết định 58/2009/QĐ-TTg, thì việc giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng được áp dụng đối với cả phế phẩm, phế liệu thu được trong quá trình sản xuất ra các sản phẩm đó. Đồng thời, việc giảm thuế giá trị gia tăng đối với các mặt hàng này được áp dụng thống nhất ở các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công hay kinh doanh thương mại. Đối tượng được áp dụng giảm thuế bao gồm cả hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh. Khi lập hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ thuộc diện được giảm thuế suất thuế GTGT, tại dòng thuế suất thuế GTGT ghi "10% x 50%"; tiền thuế GTGT; tổng số tiền người mua phải thanh toán.

Để được hưởng ưu đãi kéo dài thời hạn nộp thuế GTGT đến 180 ngày đối với hàng hóa nhập khẩu theo Quyết định 58/2009/QĐ-TTg, cơ sở nhập khẩu phải xuất trình với Cơ quan Hải quan Hợp đồng nhập khẩu (và Hợp đồng cho thuê tài chính nếu là Công ty cho thuê tài chính nhập khẩu để cho thuê tài chính) và Xác nhận của Giám đốc doanh nghiệp về các loại hàng hóa nhập khẩu để sử dụng làm tài sản cố định.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/05/2009 đến hết ngày 31/12/2009.

THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản: Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản giữa vợ với chồng, giữa cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; giữa mẹ chồng, cha chồng với con dâu; giữa bố vợ, mẹ vợ với con rể; giữa ông nội, bà nội với cháu nội; giữa ông bà ngoại với cháu ngoại; giữa anh chị em ruột với nhau được miễn thuế TNCN.

Căn cứ quy định trên, việc chuyển nhượng bất động sản của con rể cho Bố vợ, Mẹ vợ; cháu ngoại chuyển nhượng cho Bà ngoại thuộc diện thu nhập được miễn thuế TNCN

(CV số 1774/TCT-TNCN ngày 13/05/2009)

Chuyển nhượng bất động sản giữa chị em dâu: Căn cứ quy định tại Điều 4 của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Điều 4 của Nghị định số 100/2008/NĐ-CP của Chính phủ; điểm 1, mục III, phần A Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu nhập được miễn thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản như sau: "Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản giữa vợ với chồng, giữa cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; giữa mẹ chồng, cha chồng với con dâu; giữa bố vợ, mẹ vợ với con rể; giữa ông nội, bà nội với cháu nội; giữa ông bà ngoại với cháu ngoại; giữa anh chị em ruột với nhau"

Căn cứ hướng dẫn nêu trên thì chỉ miễn thuế thu nhập cá nhân đối với chuyển nhượng bất động sản giữa anh chị em ruột với nhau. Việc chuyển nhượng bất động sản giữa chị em dâu thực hiện theo quy định tại các văn bản hướng dẫn hiện hành. *(CV số 1631/TCT-CS ngày 04/05/2009)*

Thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân là người nước ngoài rời khỏi Việt Nam trước ngày 30/6/2009: Cá nhân người nước ngoài nếu rời Việt Nam trước ngày 30/06/2009 thuộc đối tượng không cư trú không được giảm nộp thuế thu nhập cá nhân. Việc kê khai nộp thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân không cư trú thực hiện theo hướng dẫn tại phần C Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính áp dụng đối với cá nhân không cư trú. *(CV số 1631/TCT-CS ngày 04/05/2009)*

Thời điểm khai thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản: Thời điểm khai thuế: cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản không phân biệt thuộc đối tượng chịu thuế hay miễn thuế đều phải lập hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân và nộp cùng hồ sơ chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản.

Như vậy, đối với trường hợp chuyển nhượng bất động sản cũng như nhận thừa kế, quà tặng bất động sản thì các cá nhân phải thực hiện kê khai ngay cùng với thời điểm lập hồ sơ chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản.

(CV số 1545/TCT-TNCN ngày 27/04/2009)

Thuế TNCN đối với người nước ngoài được cử sang làm việc tại VN theo Hợp đồng trợ giúp kỹ thuật: Trường hợp Công ty nước ngoài cử nhân viên sang Việt Nam làm việc theo hợp đồng trợ giúp kỹ thuật, có phát sinh thu nhập do thực hiện công việc tại Việt Nam là tiền lương, tiền công, các khoản lợi ích khác bằng tiền hoặc không bằng tiền, cụ thể: phí vắng mặt, tiền phòng khách sạn, chi phí sinh hoạt, chi phí đi lại trong Việt Nam, ... thì các nhân viên đó thuộc đối tượng phải kê khai nộp thuế TNCN tại Việt Nam đối với toàn bộ thu nhập nêu trên và không phân biệt nơi nhận thu nhập tại Việt Nam hay ở nước ngoài. *(CV số 1465/TCT-TNCN ngày 22/04/2009)*

Giảm trừ gia cảnh: Trường hợp chỉ có một người đứng tên trong đăng ký kinh doanh thì đối tượng nộp thuế là cá nhân đứng tên trong đăng ký kinh doanh; Trường hợp nhiều người cùng đứng tên trong đăng ký kinh doanh (nhóm cá nhân kinh doanh), cùng tham gia kinh doanh thì đối tượng nộp thuế được xác định là từng thành viên có tên ghi trong đăng ký kinh doanh.

Giảm trừ gia cảnh là số tiền được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ tiền lương, tiền công của đối tượng nộp thuế là cá nhân cư trú

Căn cứ những hướng dẫn nêu trên thì đối với hoạt động kinh doanh tư nhân, đối tượng nộp thuế TNCN là cá nhân (hoặc nhóm cá nhân) cư trú có tên trong đăng ký kinh doanh và thực tế có tham gia vào hoạt động kinh doanh được giảm trừ gia cảnh vào thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh trước khi tính thuế TNCN.

(CV số 1422/TCT-TNCN ngày 20/04/2009)

THUẾ KHÁC, PHÍ, LỆ PHÍ

Lệ phí trước bạ: Trường hợp Công ty TNHH một thành viên được chuyển đổi thành Công ty TNHH có 2 thành viên trở lên là trường hợp đổi tên đồng thời đổi chủ sở hữu và đã thay đổi sáng lập viên.

Theo đó, tài sản đứng tên Công ty TNHH một thành viên nay đăng ký lại đứng tên Công ty TNHH hai thành viên trở lên thì phải kê khai, nộp phí trước bạ theo quy định. *(CV số 1330/TCT-CS ngày 13/04/2009)*

XUẤT NHẬP KHẨU

Thuế đối với dầu thô cung cấp cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất

Ngày 20/5/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 98/2009/TT-BTC, hướng dẫn thủ tục và nghĩa vụ thuế đối với dầu thô cung cấp cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

Theo đó, Tổng Công ty dầu Việt Nam khi xuất bán dầu thô khai thác từ mỏ Bạch Hổ cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất, thực hiện thủ tục đăng ký Tờ khai hàng xuất khẩu như đối với dầu thô thực tế xuất khẩu.

Nhà máy lọc dầu Dung Quất khi nhận dầu thô từ Tổng Công ty dầu Việt Nam thực hiện thủ tục đăng ký Tờ khai hàng nhập khẩu, tính thuế và thực hiện nộp thuế nhập khẩu, thuế GTGT như đối với hàng nhập khẩu.

Giá dầu thô Bạch Hổ xuất bán cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất và thanh toán cho Xí nghiệp liên doanh dầu khí Việt Xô theo giá thị trường thế giới. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 04/07/2009.

Điều chỉnh thuế nhập khẩu sắt, thép

Ngày 15/05/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 93/2009/TT-BTC, sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu sắt và thép quy định tại Thông tư số 75/2009/TT-BTC ngày 13/04/2009 của Bộ Tài chính.

Theo đó, áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu 0% đối với các mặt hàng thép cơ khí chế tạo bao gồm cả thép hợp kim của các phân nhóm 7227.90, 7228.30, 7228.40. Các mặt hàng này phải đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau: TCVN 3104: 1979 "Thép kết cấu hợp kim thấp - Mác và yêu cầu kỹ thuật"; JIS G 4105; GOST 4543; Các tiêu chuẩn tương đương khác. Người khai hải quan phải xuất trình các tài liệu như giấy chứng nhận giám định chứng minh mặt hàng này là thép cơ khí chế tạo tại thời điểm làm thủ tục hải quan.

Trong trường hợp thép nhập khẩu không sử dụng cho ngành cơ khí chế tạo mà sử dụng vào mục đích khác, như xây dựng thì sẽ bị truy thu thuế theo đúng mục đích sử dụng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng đối với các Tờ khai hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan kể từ ngày 20/4/2009.

Hạn ngạch thuế quan hàng nhập khẩu được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu 0% có xuất xứ từ Lào: Ngày 12/05/2009, Bộ Công thương ban hành Thông tư số 09/2009/TT-BCT, về việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2009 với thuế suất thuế nhập khẩu 0% đối với hàng hoá có xuất xứ từ Lào.

Theo đó, áp dụng hạn ngạch thuế quan năm 2009 đối với hai nhóm mặt hàng nhập khẩu có xuất xứ từ Lào gồm thóc và gạo các loại, lá và cọng thuốc lá được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu bằng 0% (theo quy định trước đây bao gồm cả mặt hàng lá phụ kiện mô tô). Thuế suất 0% được áp dụng đối với các tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan hải quan từ ngày 01/01/2009.

Mức hạn ngạch được quy định cụ thể như sau: mặt hàng thóc và gạo các loại là 40.000 tấn quy ra gạo với tỷ lệ quy đổi 2 thóc = 1,2 gạo; mặt hàng lá và cọng thuốc lá là 3000 tấn. Các hàng hoá nhập khẩu nêu trên phải có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá mẫu S (C/O mẫu S) do cơ quan thẩm quyền của CHDCND Lào cấp và được thông quan qua các cặp cửa khẩu theo phụ lục kèm theo Thông tư này. Thủ tục nhập khẩu hàng hoá giải quyết tại hải quan cửa khẩu nơi làm thủ tục nhập khẩu hàng hoá theo nguyên tắc trừ lùi tự động (tổng lượng hàng nhập khẩu được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt trừ đi số lượng nhập khẩu của từng mặt hàng).

Đối với lá và cọng thuốc lá, chỉ những thương nhân có giấy phép nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu theo hạn ngạch thuế quan do Bộ Công thương cấp theo quy định hiện hành mới được phép nhập khẩu. Số lượng nhập khẩu tính trừ vào hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo giấy phép do Bộ Công thương cấp.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 26/06/2009 và hết hiệu lực sau ngày 31/12/2009. Thông tư này thay thế Thông tư số 04/2009/TT-BCT ngày 20/02/2009

[Quy định về quá cảnh hàng hoá của Campuchia qua lãnh thổ Việt Nam](#)

Ngày 11/05/2009, Bộ Công thương đã ban hành Thông tư số 08/2009/TT-BCT, quy định về quá cảnh hàng hoá của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Theo đó, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa được nộp tại Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực TP. Hồ Chí Minh thuộc Bộ Công Thương hoặc Vụ Xuất nhập khẩu thuộc Bộ Công Thương (nếu là mặt hàng gỗ xẻ), bao gồm: Đơn đề nghị cho phép quá cảnh hàng hoá (theo mẫu) và văn bản đề nghị cho phép quá cảnh hàng hoá của Bộ trưởng Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia (bản chính).

Việc gia hạn thời gian quá cảnh hàng hóa do cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục quá cảnh hàng hóa chấp thuận theo quy định của pháp luật. Thời hạn giải quyết hồ sơ cấp, gia hạn giấy phép quá cảnh là 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Hàng hóa quá cảnh được phép lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam trong thời gian tối đa 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập khẩu, trừ trường hợp được gia hạn thời gian quá cảnh theo quy định tại Thông tư.

Hàng hóa quá cảnh chịu sự giám sát của Hải quan Việt Nam trong toàn bộ thời gian hàng hóa quá cảnh trên lãnh thổ Việt Nam. Hàng hóa quá cảnh thuộc Danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, cấm xuất - nhập khẩu, tạm ngừng xuất - nhập khẩu không được tiêu thụ tại Việt Nam.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 26/06/2009 và thay thế Quyết định số 1732/2000/QĐ-BTM ngày 13/12/2000.

LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

[Quy định về cấp sổ bảo hiểm xã hội](#)

Ngày 13/05/2009, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã ban hành Quyết định số 555/QĐ- BHXH ban hành Quy định cấp, quản lý và sử dụng sổ bảo hiểm xã hội.

Theo đó, hồ sơ cấp sổ bảo hiểm xã hội đối với người tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm tự nguyện (BHTN) bắt buộc lần đầu gồm: 03 tờ khai theo mẫu số 01-TBH; 01 Danh sách lao động tham gia BHXH, BHTN theo mẫu số 02a-TBH; Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép hoạt động đối với người sử dụng lao động; Quyết định tuyển dụng hoặc quyết định về tiền lương hoặc hợp đồng lao động và 01 bản sao giấy khai sinh của người lao động; Hợp đồng lao động đối với người sử dụng lao động là cá nhân thuê mướn, sử dụng lao động.

Hồ sơ cấp sổ bảo hiểm xã hội đối với người đã có quá trình đóng BHXH, BHTN nhưng chưa được cấp sổ BHXH, gồm: Hồ sơ quy định giống trường hợp tham gia lần đầu kèm theo 01 danh sách đề nghị cấp sổ BHXH theo mẫu.

Đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện (BHXHTN), hồ sơ xin cấp sổ BHXH gồm: Tờ khai tham gia BHXHTN hưởng dẫn tại công văn số 1564/BHXH- BT ngày 02/6/2008 của BHXH Việt Nam; 01 bản sao Giấy khai sinh.

Với trường hợp sổ BHXH bị mất hoặc hỏng do lỗi của người tham gia BHXH, BHTN, để được cấp lại sổ, người tham gia làm đơn đề nghị cấp lại sổ BHXH theo mẫu, nêu rõ lý do bị mất hoặc hỏng, tình trạng hỏng và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật việc chưa hưởng chế độ BHXH một lần, sau đó nộp đơn và sổ BHXH (nếu hỏng) cho cơ quan BHXH. Nếu người tham gia BHXH, BHTN có thời gian đóng BHXH, BHTN ở tỉnh khác, ngoài các hồ sơ nêu trên, nếu có vấn đề gì chưa rõ, thì BHXH tỉnh cấp lại sổ yêu cầu BHXH tỉnh nơi người tham gia đã đóng BHXH, BHTN gửi bản ghi quá trình đóng BHXH, BHTN theo mẫu để xem xét và lưu cùng hồ sơ cấp lại sổ. Nếu người đang bảo lưu thời gian đóng BHXH, BHTN hoặc trong thời gian di chuyển đến tỉnh mới mà bị mất hoặc hỏng sổ, thì việc cấp lại sổ BHXH được thực hiện tại BHXH tỉnh, nơi chốt sổ xác nhận quá trình đóng BHXH, BHTN.

Trường hợp sổ BHXH bị mất hoặc hỏng do lỗi của người sử dụng lao động: Người sử dụng lao động làm công văn đề nghị cấp lại sổ BHXH, cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật việc người lao động chưa hưởng trợ cấp BHXH 1 lần; Người sử dụng lao động lập Biên bản nêu rõ nguyên nhân, số lượng sổ và các trang sổ bị mất hoặc bị hỏng; Tờ khai cấp sổ lần đầu, sổ BHXH bị hỏng.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 và thay thế Quyết định số 3636/QĐ-BBHXH ngày 16/6/2008 của Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam

[Giải quyết chế độ cho người lao động:](#)

Theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Lao động thì khi chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động đã làm việc thường xuyên trong doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức đủ 12 tháng trở lên, người sử dụng lao động có trách nhiệm trả trợ cấp thôi việc, cứ mỗi năm làm việc là nửa tháng lương, cộng với phụ cấp lương, nếu có.

Người lao động chấm dứt hợp đồng lao động đúng pháp luật, người sử dụng lao động có trách nhiệm trả trợ cấp thôi việc theo Điều 42 nói trên.

Khi giám định sức khỏe, nếu người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ đủ 61% trở lên đối với người lao động đã đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 20 năm trở lên thì có quyền nghỉ hưu theo quy định tại Điều 51 của Luật Bảo hiểm xã hội hoặc hai bên thỏa thuận để người lao động tiếp tục làm những công việc phù hợp với sức khỏe. Đối với người lao động đã đóng bảo hiểm xã hội dưới 20 năm thì doanh nghiệp sắp xếp bố trí làm các công việc phù hợp với sức khỏe của người lao động.

(CV số 1554/LĐTBXH-LĐTL ngày 13/05/2009)

Hướng dẫn quản lý nhà nước về lao động trong các khu công nghiệp

Ngày 06/05/2009, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 13/2009/TT-BLĐTBXH, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao.

Theo đó, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ủy quyền cho Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Ban quản lý KCN) thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về lao động trong KCN trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước về lao động trong KCN; tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động sản xuất, kinh doanh cho các doanh nghiệp trong KCN. Trường hợp KCN nằm trên địa bàn của nhiều tỉnh, thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi có trụ sở của Ban quản lý KCN có văn bản ủy quyền.

Ban quản lý KCN được ủy quyền cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trong KCN; cấp sổ lao động cho người lao động Việt Nam làm việc trong KCN.

Ban quản lý KCN cũng được ủy quyền đăng ký nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể; hệ thống thang, bảng lương của các doanh nghiệp trong KCN.

Ngoài ra, việc cấp sổ lao động cho người lao động Việt Nam làm việc trong KCN và đăng ký kế hoạch đưa người lao động của doanh nghiệp trong KCN đi thực tập ở nước ngoài dưới 90 ngày cũng nằm trong các nhiệm vụ Ban quản lý KCN được ủy quyền thực hiện.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 20/06/2009 và bãi bỏ Quyết định số 1414/1997/QĐ-BLĐTBXH ngày 17/11/1997.

Thực hiện chế độ bảo hiểm thất nghiệp:

Trường hợp người lao động nghỉ việc do sinh con hoặc nuôi con nuôi hoặc nghỉ việc do ốm đau từ 15 ngày trở lên không hưởng tiền lương, tiền công tháng tại đơn vị: Theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp dựa trên cơ sở tiền lương, tiền công của người lao động. Do đó, nếu người lao động nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau, thai sản từ 14 ngày trở lên, không hưởng tiền lương, tiền công tháng tại đơn vị mà hưởng chế độ do cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả thì người sử dụng lao động và người lao động không phải đóng bảo hiểm thất nghiệp và thời gian không đóng bảo hiểm thất nghiệp thì không được tính để hưởng bảo hiểm thất nghiệp khi mất việc làm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động.

Trường hợp người lao động luân chuyển giữa các chi nhánh có đủ pháp nhân thuộc công ty mẹ thì theo quy định tại Điều 3 Nghị định 127/2008/NĐ-CP và điểm 1.1 khoản 1 mục III Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thì người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp nếu công ty mẹ thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định.

(CV số 1461/LĐTBXH-VL ngày 06/05/2009)

Hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu chung

Ngày 24/04/2009, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 10/2009/TT-BLĐTBXH, hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu chung đối với công ty nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

Theo đó, các công ty nhà nước áp dụng mức lương tối thiểu chung 650.000 đồng/tháng kể từ ngày 01/05/2009 để tính các mức lương trong hệ thống thang lương, bảng lương, mức phụ cấp lương và các chế độ khác.

Công ty nhà nước áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm không quá 1,34 hoặc 2 lần so với mức lương tối thiểu chung để tính đơn giá tiền lương.

Đối với người lao động dôi dư thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động, nhận trợ cấp mất việc làm theo quy định tại khoản 4, Điều 3 và Điều 4 Nghị định số 110/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007, thì trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc trong khu vực nhà nước từ ngày 01/05/2009 trở đi và trợ cấp đi tìm việc làm được thực hiện theo mức lương tối thiểu chung 650.000 đồng/tháng. Đối với lao động dôi dư thuộc diện nghỉ hưu trước tuổi thì trợ cấp thêm theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 3 Nghị định số 110/2007/NĐ-CP được tính theo mức lương tối thiểu 650.000 đồng/tháng từ ngày 01/05/2009.

Đối với công ty cổ phần và công ty TNHH hai thành viên trở lên được chuyển đổi từ công ty nhà nước đang vận dụng thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương do Nhà nước quy định đối với công ty nhà nước thì áp dụng mức lương tối thiểu chung là 650.000 đồng/tháng để tính lại mức lương, phụ cấp lương... và các chế độ khác cho người lao động.

Mức tiền ăn giữa ca trong công ty nhà nước không vượt quá 550.000 đồng/tháng

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 08/06/2009 và bãi bỏ khoản 2, Mục III Thông tư số 23/2008/TT-BLĐTBXH và khoản 2 Mục III Thông tư số 24/2008/TT- LĐTBXH.

Tính trợ cấp thôi việc khi tham gia bảo hiểm thất nghiệp: Theo quy định tại khoản 1, Điều 42 của Bộ luật Lao động quy định khi chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động đã làm việc thường xuyên trong doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức từ đủ 12 tháng trở lên, người sử dụng lao động có trách nhiệm trả trợ cấp thôi việc, cứ mỗi năm làm việc là nửa tháng lương, cộng với phụ cấp lương, nếu có.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 102 Luật Bảo hiểm xã hội và khoản 1, Điều 41 Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 thì thời gian người lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định không được tính để hưởng trợ cấp thôi việc hoặc trợ cấp mất việc làm theo quy định của pháp luật lao động.

Như vậy, theo các quy định nêu trên thì, từ ngày 01/01/2009 trở đi, người lao động có thời gian làm việc tại doanh nghiệp theo hợp đồng lao động từ đủ 12 tháng trở lên, sau khi trừ đi thời gian tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định, thời gian còn lại tính hưởng trợ cấp thôi việc mà dưới 12 tháng thì được làm tròn theo quy định tại khoản 5, Điều 14, Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 để tính hưởng trợ cấp thôi việc, cụ thể:

- Thời gian tính hưởng trợ cấp thôi việc từ đủ 01 tháng đến dưới 06 tháng được làm tròn thành 1/2 năm;
- Thời gian tính hưởng trợ cấp thôi việc từ đủ 6 tháng đến dưới 12 tháng được làm tròn thành một năm.

Ví dụ, Bà A làm việc cho Công ty B từ ngày 01/02/2008 đến ngày 01/02/2009 thì chấm dứt hợp đồng lao động. Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 01/02/2009 bà A tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Như vậy, bà A có thời gian tính hưởng trợ cấp thôi việc là 11 tháng (12 tháng làm việc - 01 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp), được làm tròn thành một năm để tính trợ cấp thôi việc theo quy định.

(CV số 1131/LĐTBXH-LĐTL ngày 13/04/2009)

Hợp đồng lao động: Theo quy định Điều 2 của Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về hợp đồng lao động của pháp luật lao động thì thành viên Hội đồng quản trị không thuộc đối tượng ký kết hợp đồng lao động. Vì vậy, trường hợp thành viên Hội đồng thành viên của Công ty được cử giữ chức vụ Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc Công ty thì không phải ký kết hợp đồng lao động.

(CV số 1032/LĐTBXH-LĐTL ngày 03/04/2009)

NGÂN HÀNG

Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn mua thiết bị sản xuất ở khu vực nông thôn

Ngày 05/05/2009, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 09/2009/TT- NHNN, quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất vay vốn mua máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn

Theo đó, Loại cho vay được hỗ trợ lãi suất là các khoản cho vay ngắn hạn, trung hạn bằng VND theo các hợp đồng tín dụng được ký kết và giải ngân trong khoảng thời gian từ 1/5 đến 31/12/2009 để mua máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn thuộc Danh mục quy định ban hành theo Quyết định số 2095/QĐ-BCT.

Điều kiện cho khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất là: (1) được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận là đối tượng được vay vốn hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Quyết định số 497/QĐ-TTg; (2) Sử dụng tiền vay để mua máy móc, thiết bị cơ khí, phương tiện, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn thuộc Danh mục chi tiết hàng hóa sản xuất trong nước được hưởng hỗ trợ lãi suất vốn vay theo quy định.

Khi mua máy móc, thiết bị cơ khí, phương tiện phục vụ sản xuất, chế biến nông nghiệp và máy vi tính, người dân sẽ được vay tối đa 100% giá trị hàng hóa và hoàn toàn được miễn lãi suất (riêng máy vi tính, số tiền được vay tối đa là 5 triệu đồng); mức cho vay cụ thể do NHTM, công ty tài chính xem xét theo cơ chế cho vay thông thường.

Nếu mua các sản phẩm vật tư nông nghiệp, mức tiền vay tối đa bằng 100% giá trị hàng hóa nhưng không vượt quá 7 triệu đồng/ha. Với vật liệu xây dựng làm nhà ở, số tiền được vay hỗ trợ lãi suất không vượt quá 50 triệu đồng. Các khoản vay này được hỗ trợ 4% lãi suất.

Thời hạn hỗ trợ lãi suất tối đa là 24 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đối với các sản phẩm máy móc, thiết bị cơ khí, phương tiện phục vụ sản xuất, chế biến nông nghiệp và máy vi tính; 12 tháng đối với các sản phẩm vật tư nông nghiệp và vật liệu xây dựng các loại để làm nhà ở. Các khoản vay bị quá hạn, được gia hạn nợ, nhưng không được tính hỗ trợ lãi suất đối với khoảng thời gian quá hạn.

Khi thu lãi tiền vay, các NHTM, các công ty tài chính giảm trừ số tiền lãi phải trả của khách hàng bằng với số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất. Hàng tháng, Ngân hàng Nhà nước chuyển tối đa 90% số lãi tiền vay đã hỗ trợ theo báo cáo của ngân hàng thương mại, công ty tài chính. Số còn lại được chuyển sau khi có báo cáo quyết toán của ngân hàng thương mại, công ty tài chính.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký.

[Hướng dẫn về mạng lưới hoạt động của các tổ chức tài chính quy mô nhỏ](#)

Ngày 28/04/2009, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 08/2009/TT- NHNN, hướng dẫn về mạng lưới hoạt động của các tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

Theo đó, tổ chức tài chính quy mô nhỏ phải xây dựng và ban hành Quy định nội bộ về hoạt động và quản lý mạng lưới phù hợp và phải có các nội dung quy định về kiểm soát rủi ro và hệ thống thông tin quản lý; về đảm bảo an toàn trong giao dịch, kho quỹ.

Đối với tổ chức tài chính quy mô nhỏ có nhu cầu được mở chi nhánh trên cơ sở chuyển đổi chi nhánh hiện có, tổ chức tài chính phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: (1) Chi nhánh có đủ cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu hoạt động; (2) Chi nhánh hiện có đang hoạt động có hiệu quả, có quy trình hoạt động rõ ràng, tỷ lệ tổng dư nợ vay của những khách hàng có nợ quá hạn trên tổng dư nợ cho vay của chi nhánh (PAR) dưới 5%...; (3) Tổ chức tài chính phải có quy định nội bộ rõ ràng và hệ thống thông tin quản lý để đảm bảo khả năng kiểm soát hiệu quả của trụ sở chính đối với chi nhánh; (4) Phải đảm bảo số vốn điều lệ của tổ chức tài chính (tính bằng đồng Việt Nam) lớn hơn 1,5 tỷ đồng * tổng số chi nhánh đề nghị mở tại các tỉnh, thành phố.

Đối với tổ chức tài chính quy mô nhỏ có dưới 2 chi nhánh và xin mở thêm trong vòng một năm kể từ ngày khai trương hoạt động thì tổng số chi nhánh tối đa không quá 2 và đáp ứng đủ 2 điều kiện: Có kế hoạch kinh doanh khả thi trong 2 năm đầu hoạt động; Tổ chức tài chính có quy định nội bộ rõ ràng và hệ thống thông tin quản lý để đảm bảo khả năng kiểm soát hiệu quả của trụ sở chính đối với chi nhánh

Nếu tổ chức tài chính xin mở thêm chi nhánh sau 01 năm kể từ ngày khai trương hoạt động thì ngoài 2 điều kiện nói trên, phải đáp ứng thêm các điều kiện sau: (1) Hoạt động có lãi trong năm liền kề và có thu nhập lớn hơn chi phí cho tới tháng liền kề thời điểm đề nghị mở chi nhánh; (2) Không vi phạm các quy định về an toàn trong hoạt động tài chính quy mô nhỏ và các quy định khác của pháp luật trong thời gian 01 năm; (3) Có tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu đạt 15% trở lên tại thời điểm đề nghị mở chi nhánh và (4) Có bộ máy quản trị, điều hành, kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 12/06/2009

CHỨNG KHOÁN

[Quy định về niêm yết và giao dịch Trái phiếu Chính phủ phát hành bằng ngoại tệ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội](#)

Ngày 24/4/2009, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 253/QĐ-UBCK về nội dung trên.

Theo đó, nhà đầu tư thực hiện giao dịch trái phiếu Chính phủ phát hành bằng ngoại tệ có thể sử dụng tài khoản chứng khoán hiện có hoặc mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty chứng khoán trong trường hợp chưa có tài khoản. Đồng thời, nhà đầu tư phải mở tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại ngân hàng thương mại theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Trái phiếu Chính phủ phát hành bằng ngoại tệ được giao dịch qua hệ thống giao dịch trái phiếu Chính phủ phát hành bằng ngoại tệ của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo phương thức giao dịch thoả thuận.

Đối với giao dịch Trái phiếu Chính phủ phát hành bằng ngoại tệ thì đơn vị yết giá quy định là 01 cent và không áp dụng biên độ dao động giá. UBCK cũng không quy định đơn vị giao dịch và khối lượng giao dịch tối thiểu cho Trái phiếu Chính phủ phát hành bằng ngoại tệ.

Tất cả các giao dịch trái phiếu Chính phủ phát hành bằng ngoại tệ được thanh toán trực tiếp với thời gian thanh toán là 01 ngày làm việc sau ngày giao dịch bằng Đô la Mỹ. Thành viên lưu ký và Trung tâm lưu ký chứng khoán phải mở tài khoản thanh toán bù trừ bằng ngoại tệ tại Ngân hàng chỉ định thanh toán để thanh toán các giao dịch trái phiếu Chính phủ bằng ngoại tệ.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

[Quy định về phí bán đấu giá cổ phần](#)

Ngày 27/04/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 82/2009/TT-BTC, quy định về mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí bán đấu giá cổ phần.

Theo đó, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có cổ phần được bán đấu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán và các tổ chức được phép tổ chức bán đấu giá cổ phần phải nộp phí bán đấu giá.

Mức thu phí bán đấu giá cổ phần áp dụng tại Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán là 0,3% trên tổng giá trị cổ phần thực tế bán được và tối đa không vượt quá 300 triệu đồng/1 cuộc bán đấu giá cổ phần.

Mức thu phí tại các tổ chức được phép tổ chức bán đấu giá cổ phần do các bên tự thỏa thuận, nhưng không vượt quá 0,3% trên tổng giá trị cổ phần thực tế bán được.

Phí bán đấu giá cổ phần thu được là khoản thu không thuộc ngân sách nhà nước. Đơn vị thu phí có nghĩa vụ nộp thuế đối với số phí thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu phí sau khi đã nộp thuế theo quy định.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 19/06/2009.

XÂY DỰNG

Đầu tư nhà ở cho công nhân ở Khu Công nghiệp

Ngày 24/04/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg, ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp thuê.

Theo đó, Ban quản lý KCN hoặc doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng KCN được giao đồng thời làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng khu nhà ở cho công nhân (Chủ đầu tư cấp I). Sau khi đầu tư xong cơ sở hạ tầng khu nhà ở cho công nhân, chủ đầu tư cấp I có thể tự đầu tư xây dựng hoặc chuyển giao đất đã có hạ tầng để các chủ đầu tư cấp II (là các doanh nghiệp sản xuất trong KCN hoặc các doanh nghiệp có chức năng kinh doanh nhà ở) đầu tư xây dựng các công trình nhà ở cho công nhân thuê.

Tiêu chuẩn thiết kế nhà ở công nhân tối thiểu là 5m²/người. Giá cho thuê nhà ở do UBND cấp tỉnh phê duyệt căn cứ đề nghị của chủ đầu tư, theo nguyên tắc không tính các ưu đãi của Nhà nước, không tính các khoản chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng... vào giá thuê và bảo đảm lợi nhuận định mức tối đa 10%, với thời hạn thu hồi vốn tối thiểu là 20 năm.

Các chủ đầu tư cấp I và cấp II được hưởng các ưu đãi đầu tư như miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong phạm vi dự án; được miễn áp dụng thuế suất thuế GTGT ở mức cao nhất (thuế suất 0%); được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo;... Các doanh nghiệp tự xây dựng nhà cho công nhân (không thu tiền hoặc có thu tiền nhưng không vượt quá mức giá cho thuê nhà ở xã hội theo quy định của UBND tỉnh) và các doanh nghiệp thuê nhà cho công nhân ở thì được tính chi phí nhà ở là chi phí hợp lý (tính vào giá thành sản xuất) khi tính thuế TNDN.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10/06/2009.

QUY ĐỊNH KHÁC

Hướng dẫn đăng ký thường trú tại Việt Nam cho Việt kiều

Ngày 12/05/2009, Liên Bộ Công an - Bộ Ngoại giao đã ban hành Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT-BCA-BNG, hướng dẫn thủ tục giải quyết cho công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đăng ký thường trú tại Việt Nam.

Theo đó, có 03 đối tượng công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài (CDVNĐCNN) được đăng ký thường trú tại Việt Nam, bao gồm: CDVNĐCNN mang hộ chiếu hoặc giấy tờ thay hộ chiếu do nước ngoài cấp còn giá trị về Việt Nam đăng ký thường trú; CDVNĐCNN không có hộ chiếu nước ngoài nhưng có giấy tờ thường trú do nước ngoài cấp và CDVNĐCNN có hộ chiếu Việt Nam còn giá trị sử dụng.

Hồ sơ đề nghị về Việt Nam thường trú gồm Đơn đề nghị (theo mẫu); Bản sao hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ thường trú do nước ngoài cấp (hoặc bản chụp kèm theo bản chính để kiểm tra, đối chiếu); Bản sao giấy tờ có giá trị chứng minh có quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Thông tư này; 03 ảnh mới chụp cỡ 4x6 cm và giấy tờ chứng minh có nhà ở hợp pháp tại Việt Nam;..

Nếu CDVNĐCNN xin về thường trú tại thành phố trực thuộc TW, ngoài điều kiện nêu trên, phải có thêm 1 trong các giấy tờ sau: Đối với người có chỗ ở hợp pháp, phải có giấy tờ chứng minh đã tạm trú liên tục tại thành phố đó từ một năm trở lên; Trường hợp CDVNĐCNN được người có sổ hộ khẩu đồng ý cho nhập vào sổ hộ khẩu thì phải có giấy tờ chứng minh mối quan hệ ruột thịt giữa 2 người; Giấy tờ chứng minh CDVNĐCNN trước đây đã đăng ký thường trú tại thành phố đó và nay trở về sinh sống tại chỗ ở hợp pháp của mình.

Người đề nghị nộp hồ sơ tại Cơ quan đại diện Việt Nam nơi đang cư trú hoặc Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người nộp hồ sơ đề nghị được về thường trú. Người được giải quyết về Việt Nam thường trú cần liên hệ với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để nhận giấy thông hành hồi hương trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày nhận được thông báo chấp nhận. Sau khi về nước phải liên hệ ngay với Công an địa phương nơi xin về thường trú để làm thủ tục đăng ký thường trú.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 26/06/2009 và thay thế Thông tư liên tịch số 06/TT-LT ngày 29/01/1997 và Thông tư liên tịch số 04/2005/TTLT-BCA-BNG ngày 28/11/2005.

Xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động chuyển giao công nghệ: Ngày 21/05/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 49/2009/NĐ-CP, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động chuyển giao công nghệ.

Theo đó, tùy mức độ vi phạm mà tổ chức, cá nhân phải chịu một trong các hình thức phạt như cảnh cáo; phạt tiền; trục xuất (đối với người nước ngoài) và có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức phạt bổ sung như tước quyền sử dụng Giấy phép chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ...

Mức phạt tiền cao nhất là 70 triệu đồng đối với hành vi lợi dụng hoạt động chuyển giao công nghệ làm tổn hại lợi ích quốc phòng, an ninh quốc gia; hành vi chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao. Hành vi vi phạm quyền chuyển giao công nghệ về sở hữu và sử dụng công nghệ có thể bị phạt từ 3 triệu đến 10 triệu đồng.

Hành vi vi phạm trong việc lập và thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng dịch vụ chuyển giao công nghệ bị phạt tiền từ 5 triệu đến 30 triệu đồng. Đồng thời, tổ chức, cá nhân vi phạm có thể bị tước quyền sử dụng không thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy phép chuyển giao công nghệ

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 31/07/2009 và thay thế Nghị định số 16/2000/NĐ-CP ngày 10/5/2000

[Xử lý vi phạm hành chính về quyền tác giả](#)

Ngày 13/05/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 47/2009/NĐ-CP, quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan.

Theo đó, Chính phủ quy định chi tiết từng hành vi vi phạm, hình thức và mức phạt cụ thể, bao gồm các vi phạm về quy định đăng ký và hoạt động của tổ chức đại diện tập thể; quy định trong hoạt động giám định về quyền tác giả, quyền liên quan; quy định về tổ chức tư vấn, dịch vụ; cản trở bất hợp pháp hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra về quyền tác giả, quyền liên quan...

Mỗi hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân phải chịu một trong hai hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền. Ngoài ra, tổ chức, cá nhân vi phạm có thể phải chịu các hình thức phạt bổ sung như tịch thu hàng hoá vi phạm, đình chỉ có thời hạn từ 90 đến 180 ngày hoạt động kinh doanh, tư vấn; tịch thu Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan... và thi hành các biện pháp khắc phục hậu quả.

Mức phạt cao nhất 500 triệu đồng áp dụng đối với các hành vi vi phạm như: Sao chép tác phẩm, sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp cuộc biểu diễn, sao chép bản định hình chương trình phát sóng mà không được phép của chủ sở hữu quyền (trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị trên 500 triệu đồng); chiếm đoạt quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng, quyền sao chép tác phẩm, quyền phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm, quyền cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính, quyền phát sóng, tái phát sóng chương trình phát sóng...

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 30/06/2009, thay thế các quy định tại điều 45,46,47 Mục 7 Chương II và các quy định khác tại Nghị định số 56/2006/NĐ-CP ngày 06/06/2006

[Quy định về giải thưởng chất lượng quốc gia](#)

Ngày 06/05/2009, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 11/2009/TT-BKHCN về nội dung trên.

Theo đó, tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện tham dự giải thưởng chất lượng quốc gia (GTCLQG) là các tổ chức, doanh nghiệp có tư cách pháp nhân đã hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ liên tục tại Việt Nam và không vi phạm các quy định của pháp luật trong thời gian ít nhất 36 tháng, tính đến thời điểm đăng ký tham dự.

Các loại hình tổ chức, doanh nghiệp tham dự GTCLQG bao gồm sản xuất, dịch vụ lớn có sử dụng trên 300 lao động chính thức; sản xuất, dịch vụ nhỏ và vừa sử dụng đến 300 lao động chính thức.

Thời hạn đăng ký tham dự GTCLQG là trước ngày 01/05 và nộp hồ sơ tham dự trước ngày 01/07 hàng năm tại Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức, doanh nghiệp đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Trong thời gian 03 năm, kể từ ngày tổ chức, doanh nghiệp đạt giải, nếu bị phát hiện có hành vi gian lận trong quá trình tham dự giải thưởng hoặc vi phạm các quy định của pháp luật liên quan làm ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín của GTCLQG thì Hội đồng quốc gia căn cứ vào mức độ vi phạm của tổ chức, doanh nghiệp đạt giải để xem xét và kiến nghị việc thu hồi, hủy bỏ kết quả đã trao tặng.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 20/06/2009 và thay thế Quyết định số 19/2004/QĐ-BKHCN ngày 14/7/2004.

[Cấm kinh doanh thuốc lá nhập lậu](#)

Ngày 07/05/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 43/2009/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung Danh mục hàng hoá, dịch vụ cấm kinh doanh của Nghị định 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 hướng dẫn thi hành Luật Thương mại về hàng hoá, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.

Theo đó, Chính phủ bổ sung mặt hàng thuốc lá điếu, xì gà và các dạng thuốc lá thành phẩm khác nhập lậu vào Danh mục hàng hoá, dịch vụ cấm kinh doanh.

Như vậy, tổ chức, cá nhân nếu kinh doanh mặt hàng này thì tùy theo mức độ, có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/7/2009.

[Một số hướng dẫn mới về Luật kinh doanh bảo hiểm và cơ chế tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm](#)

Ngày 28/04/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 86/2009/TT-BTC, sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 155/2007/TT-BTC ngày 20/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27/03/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Thông tư 156/2007/TT-BTC ngày 20/12/2007 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP 27/03/2007 của Chính phủ quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Theo đó, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 50% vốn điều lệ ban đầu khi thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm trong thời hạn 3 năm; phải có tối thiểu 04 tổ chức tham gia góp vốn thành lập Doanh nghiệp bảo hiểm.

Đối với các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, Bộ Tài chính yêu cầu phải sử dụng chuyên gia dự phòng nghiệp vụ và khả năng thanh toán để lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định của pháp luật, đánh giá tình hình chi bồi thường và mức trích lập dự phòng nghiệp vụ trong các năm trước, ... với các tiêu chuẩn được quy định cụ thể trong Thông tư này.

Về quy định mức giữ lại trong hoạt động tái bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm chỉ được phép giữ lại mức trách nhiệm tối đa trên mỗi rủi ro hoặc trên mỗi tổn thất riêng lẻ không quá 5% vốn chủ sở hữu (thay cho mức trước đây là 10%).

Bộ Tài chính cũng quy định rõ hơn về nguyên tắc xác định doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm phát sinh trong kỳ. Theo đó, doanh nghiệp bảo hiểm hạch toán khoản thu phí bảo hiểm gốc vào thu nhập khi phát sinh trách nhiệm bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm đối với bên mua bảo hiểm khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm...

Ngoài ra, Bộ Tài chính cũng sửa đổi các quy định về kiểm tra, kiểm soát nội bộ, tiêu chuẩn người quản trị, điều hành trong doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm... Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 12/06/2009.

[Quy định mới về xử phạt hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm](#)

Ngày 05/05/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 41/2009/NĐ-CP, về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.

Theo đó, đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu hình thức xử phạt chính là phạt tiền, không còn hình thức phạt cảnh cáo như trước đây. Ngoài ra, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm còn có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung hoặc biện pháp khắc phục hậu quả.

Cụ thể, phạt tiền 70 triệu đồng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm chia, tách, giải thể, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp không đúng trình tự, thủ tục; không bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty không đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, phạt tiền 70 triệu đối với doanh nghiệp không bổ nhiệm chuyên gia tính toán (Appointed Actuary) hoặc không tuân thủ thủ tục thay đổi chuyên gia tính toán theo quy định của pháp luật; phạt tiền 70 triệu đồng đối với chuyên gia tính toán nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ 06 nhiệm vụ quy định.

Doanh nghiệp bảo hiểm, môi giới bảo hiểm cũng sẽ bị phạt tiền 70 triệu đồng nếu thay đổi mức vốn điều lệ hoặc thay đổi nội dung, phạm vi và thời gian hoạt động mà chưa được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Nếu mở hoặc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện; chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp chiếm 10% số vốn điều lệ trở lên mà chưa được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản thì doanh nghiệp bảo hiểm, môi giới bảo hiểm hoặc Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc và người có liên quan cũng bị phạt tiền 70 triệu đồng.

Các vi phạm về quy định cạnh tranh, khai thác bảo hiểm phi nhân thọ, khai thác bảo hiểm nhân thọ bị xử phạt từ 50 đến 70 triệu đồng và có thể bị tước quyền sử dụng Giấy phép thành lập và hoạt động trong thời hạn từ 60 ngày đến 90 ngày.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 22/06/2009 và thay thế Nghị định số 118/2003/NĐ-CP ngày 13/10/2003

Tỷ giá liên ngân hàng giữa VND và USD trong tháng 05/2009

| Ngày | Tỷ giá | Ngày | Tỷ giá |
|-------|--------|-------|--------|
| 01/05 | 16.937 | 16/05 | 16.938 |
| 02/05 | 16.939 | 19/05 | 16.936 |
| 05/05 | 16.938 | 20/05 | 16.937 |
| 06/05 | 16.941 | 21/05 | 16.935 |
| 07/05 | 16.940 | 22/05 | 16.936 |
| 08/05 | 16.938 | 23/05 | 16.937 |
| 09/05 | 16.939 | 26/05 | 16.935 |
| 12/05 | 16.937 | 27/05 | 16.936 |
| 13/05 | 16.938 | 28/05 | 16.939 |
| 14/05 | 16.940 | 29/05 | 16.938 |
| 15/05 | 16.937 | 31/05 | 16.938 |

Danh mục các văn bản mới trong tháng 04 và 05/2009

Chính phủ

- CV số 695/TTg-KTTH (08/5/2009) về việc chấn chỉnh hoạt động ngoại hối.
- ☞NĐ 47/2009/NĐ-CP (13/5/2009) về quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan.
- QĐ số 79/2009/QĐ-TTg (18/5/2009) về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia.
- QĐ 579/QĐ-TTg (06/5/2009) về việc hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội.
- QĐ 622/QĐ-TTg (17/5/2009) về sửa đổi, bổ sung QĐ 579/QĐ-TTg (06/5/2009) về việc hỗ trợ lãi suất đối với các khoản nợ vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội.
- NĐ 42/2009/NĐ-CP (07/5/2009) về việc phân loại đô thị.
- QĐ 66/QĐ-TTg (24/4/2009) về việc ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp thuế.
- QĐ số 67/2009/QĐ-TTg (24/4/2009) về việc ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị.
- NĐ 39/2009/NĐ-CP (23/4/2009) về vật liệu nổ công nghiệp.
- ☞NĐ 41/2009/NĐ-CP (05/5/2009) về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.
- ☞NĐ 43/2009/NĐ-CP (07/5/2009) về việc sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh của NĐ 59/2006/NĐ-CP (12/6/2009) hướng dẫn thi hành Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.
- QĐ 72/2009/QĐ-TTg (04/5/2009) về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo QĐ số 02/2007/QĐ-TTg (09/01/2007).
- QĐ 527/QĐ-TTg (23/4/2009) về việc phê duyệt « Chương trình quản lý nợ nước ngoài trung hạn gia đoạn 2009-2012 ».

Bộ Tài chính

- ☞CV số 6425/BTC-CST (06/5/2009) về việc không thu thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh gạo trong nước.
- ☞CV số 6992/BTC-TCT (18/5/2009) về việc chính sách thuế GTGT.
- CV số 7093/BTC-TCT (20/5/2009) về việc thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao của cá nhân Việt Nam làm việc tại các Văn phòng đại diện của Liên hợp quốc tại Việt Nam.
- QĐ số 1007/QĐ-BTC (15/5/2009) về việc công bố danh sách các tổ chức tư vấn định giá bị đình chỉ cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

5. TT số 93/2009/TT-BTC (15/5/2009) về việc sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu sắt và thép quy định tại TT số 75/2009/QĐ-BTC (13/4/2009).
6. TT số 94/2009/TT-BTC (19/5/2009) hướng dẫn về việc giải ngân và thu hồi nợ vay theo Hiệp định tín dụng ký (05/02/2009) giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào.
7. TT số 91/2009/TT-BTC (12/5/2009) về việc ban hành danh mục bổ sung một số mặt hàng được giảm 50% mức thuế suất GTGT theo QĐ số 16/2009/QĐ-TTg (21/01/2009) của Thủ tướng Chính phủ.
8. TT số 88/2009/TT-BTC (22/4/2009) về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm của TT số 27/2007/TT-BTC (03/4/2007) và TT số 130/2007/TT-BTC (02/11/2007) hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.
9. CV số 6170/BTC-TCT (29/4/2009) về việc thuế GTGT, thu nhập doanh nghiệp về việc sử dụng hóa đơn lẻ.
10. TT số 80/2009/TT-BTC ngày (22/4/2009) về việc hướng dẫn thuế suất thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ Lào.
1. CV số 6169/TCHQ-CST (29/4/2009) về việc miễn thu lệ phí cấp phép sử dụng con dấu, lệ phí cấp giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với các doanh nghiệp vùng sắp nhập về Thành phố Hà Nội.
11. CV số 5966/BTC-TCT (24/4/2009) về việc xác định mức thuế khoán trong trường hợp nghỉ kinh doanh.
12. CV số 5750/BTC-TCHQ (21/4/2009) về việc miễn thuế nhập khẩu hàng hóa tạo tài sản cố định của dự án.
13. CV số 5538/BTC-ĐT (16/4/2009) về việc hướng dẫn thực hiện TT số 117/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính.
14. CV số 5767/BTC-TCHQ (21/4/2009) về việc Thuế tiêu thụ đặc biệt.
15. CV số 5959/BTC-TCHQ (23/4/2009) về việc điều kiện áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.
16. CV số 6186/BTC-TCHQ (29/4/2009) về việc thuế GTGT đối với hàng về đến cửa khẩu trước ngày 01/01/2009.
17. TT số 70/2009/TT-BTC (07/4/2009) về hướng dẫn về việc hải quan đối với xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất xăng, dầu và nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất, chế biến xăng, dầu.
18. TT số 82/2009/TT-BTC (27/4/2009) về việc quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bán đấu giá cổ phần.
19. TT số 84/2009/TT-BTC (28/4/2009) về việc sửa đổi TT số 131/2008/TT-BTC (26/12/2008).
20. TT số 85/2009/TT-BTC (28/4/2009) về việc hướng dẫn thực hiện QĐ số 58/2009/QĐ-TTg (16/4/2009) của Thủ tướng Chính phủ bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm thực hiện chủ trương kích cầu đầu tư và tiêu dùng, ngăn chặn suy giảm kinh tế, tháo gỡ khó khăn đối với doanh nghiệp.
21. TT số 87/2009/TT-BTC (29/4/2009) về việc hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương tối thiểu chung đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và điều chỉnh trợ cấp đối với cán bộ xã đã nghỉ việc năm 2009.
22. TT số 89/2009/TT-BTC (29/4/2009) về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm của TT số 28/2007/TT-BTC (03/4/2009) và TT số 133/2007/TT-BTC (14/11/2007) hướng dẫn việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ.

Bộ Lao động Thương binh xã hội

1. CV số 1461/LĐTBXH-VL (06/5/2009) về việc thực hiện chế độ bảo hiểm thất nghiệp.
2. CV số 1504/LĐTBXH-VL (11/5/2009) về việc quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.
3. CV số 1513/LĐTBXH-LĐTL (11/5/2009) về việc tiền lương đối với Ban quản lý dự án trong công ty cổ phần.
4. CV số 1514/LĐTBXH-LĐTL (11/5/2009) về việc tham gia ý kiến về kinh phí chi trả trợ cấp đối với lao động dôi dư.
5. CV số 1549/LĐTBXH-LĐTL (13/5/2009) về việc hướng dẫn pháp luật lao động.
6. CV số 1564/LĐTBXH-LĐTL (13/5/2009) về việc trả trợ cấp thôi việc cho người lao động.
7. CV số 1554/LĐTBXH-LĐTL (13/5/2009) về việc giải quyết chế độ cho người lao động.
8. CV số 1345/LĐTBXH-LĐTL (27/4/2009) về việc nâng bậc lương sớm, rút ngắn thời hạn nâng bậc lương.
9. CV số 1004/LĐTBXH-LĐTL (02/4/2009) đối với trợ cấp thôi việc đối với người lao động.
10. CV số 1132/LĐTBXH-LĐTL (13/4/2009) về việc tính trợ cấp thôi việc khi tham gia bảo hiểm thất nghiệp.
11. TT số 10/2009/TT-LĐTBXH (24/4/2009) về việc hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu chung đối với công ty nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.
12. TT số 11/2009/TT-LĐTBXH (24/4/2009) về việc hướng dẫn điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng theo ND số 34/2009/NĐ-CP (06/4/2009) và ND số 33/2009/NĐ-CP (06/4/2009).
13. TT số 13/2009/TT-LĐTBXH (06/5/2009) về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về lao động các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao.

Bộ Công thương

1. TT số 10/2009/TT-BCT (18/5/2009) về việc thực hiện quy tắc xuất xứ trong Hiệp định giữa nước CHXHCN Việt Nam và Nhật Bản về đối tác kinh tế.
2. TT số 09/2009/TT-BCT (11/5/2009) về việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2009 với suất thuế nhập khẩu 0% đối với hàng hóa có xuất xứ từ Lào.

3. TT số 08/2009/TT-BCT (11/5/2009) quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia ở lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam.

Liên bộ

1. TT số 03/2009/TTLT-BNV-BTC (22/4/năm 2009) về việc hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu chung từ (01/5/2009 đối với cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp.
2. TT số 04/2009/TTLT-BXD-BCA (10/4/2009) về việc hướng dẫn thực hiện việc cấp nước phòng cháy, chữa cháy tại đô thị và khu công nghiệp.

Ngân hàng Nhà nước

1. CV số 3504/NHNN-CSTT (15/5/2009) về việc thực hiện cơ chế hỗ trợ lãi suất.
2. Chỉ thị số 01/CT-NHNN (22/5/2009) về một số biện pháp đảm bảo an toàn, hiệu quả kinh doanh của tổ chức tín dụng.
3. QĐ 1015/QĐ-NHNN (29/4/2009) về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam
4. TT số 08/2009/TT-NHNN (29/4/2009) hướng dẫn về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ.
5. TT số 09/2009/TT-NHNN (05/5/2009) về việc quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất vay vốn mua bán máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn.

Tổng Cục thuế

1. CV số 1688/TCT-CS (07/5/2009) về việc điều kiện khấu trừ thuế GTGT.
2. CV số 1691/TCT-CS (07/5/2009) về việc chính sách thuế GTGT.
3. CV số 1760/TCT-KK (13/5/2009) về việc trả lời kiến nghị tại Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp năm 2008.
4. CV số 1774/TCT-TNCN (13/5/2009) về việc miễn thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản.
5. CV số 1808/TCT-CS (15/5/2009) về việc tiêu dùng nội bộ.
6. CV số 1818/TCT-CS (15/5/2009) về việc thuế GTGT đối với dịch vụ xếp dỡ container.
7. CV số 1850/TCT-PC (18/5/2009) về việc dùng xuất cảnh đối với trường hợp người nộp thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế.
8. CV số 1710/TCT-CS (07/5/2009) về việc áp dụng giảm thuế GTGT đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.
9. CV số 1704/TCT-PC (07/5/2009) về thuế thu nhập cá nhân.
10. CV số 1578/TCT-TNCN (28/4/2009) về việc hướng dẫn quy đổi thu nhập sau thuế ra thu nhập trước thuế.
11. CV số 1545/TCT-PC (27/4/2009) về thuế thu nhập cá nhân đối với chuyển nhượng bất động sản.
12. CV số 1525/TCT-CS (24/4/2009) về việc lập hóa đơn GTGT đối với hàng hóa tiêu dùng nội bộ.
13. CV số 1465/TCT-TNCN (22/4/2009) về việc thuế TNCN đối với người nước ngoài được cử sang làm việc tại VN theo Hợp đồng trợ giúp kỹ thuật.
14. CV số 1466/TCT-CS (22/4/2009) về việc doanh thu tính thuế đối với hàng gia công xuất khẩu.
15. CV số 1467/TCT-CS (22/4/2009) về việc thời điểm tính thuế GTGT.
16. CV số 1474/TCT-TNCN (22/4/2009) về việc thực hiện chính sách thuế TNCN.
17. CV số 1380/TCT-CS (16/4/2009) về việc hóa đơn thu phí ngân hàng tự in từ máy vi tính.
18. CV số 1390/TCT-CS (16/4/2009) về việc thuế suất GTGT đối với môi giới bảo hiểm.
19. CV số 1330/TCT-CS (13/4/2009) về việc giải đáp chính sách về lệ phí trước bạ.
20. CV số 1420/TCT-CS (20/4/2009) về việc trả lời chính sách thuế.
21. CV số 1541/TCT-CS (27/4/2009) về việc trả lời chính sách thuế.
22. CV số 1574/TCT-CS (28/4/2009) về việc thuế suất thuế GTGT.
23. CV số 1631/TCT-CS (04/5/2009) về việc chính sách thuế thu nhập cá nhân.

Tổng Cục Hải quan

2. CV số 2693/TCHQ-KTTT (18/5/2009) về việc hoàn thuế GTGT.
3. CV số 2459/TCHQ-GSQL (6/5/2009) về việc vướng mắc của doanh nghiệp chế xuất.
4. CV số 2464/TCHQ-KTTT (06/5/2009) về việc thuế nhập khẩu hàng hóa tạo tài sản cố định.
5. CV số 2469/TCHQ-GSQL (6/5/2009) về việc nhãn mác hàng hóa.
6. CV số 2471/TCHQ-GSQL (6/5/2009) về việc thanh toán miễn thuế đối với hàng miễn thuế dùng làm mẫu để kiểm tra chất lượng theo quy định.
7. CV số 2472/TCHQ-GSQL (6/5/2009) về việc lấy ý kiến tham gia dự thảo quy trình quản lý nguyên liệu.
8. CV số 2478/TCHQ-KTTT (07/5/2009) về việc thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu tạo tài sản cố định.
9. CV số 2489/TCHQ-GSQL (07/5/2009) về việc hướng dẫn thực hiện TT 07/2009/TT-BTC (09/4/2009).
10. CV số 2504/TCHQ-KTTT (08/5/2009) về việc giải đáp vướng mắc thực hiện TT 129/2008/TT-BTC.

11. CV số 2511/TCHQ-GSQL (08/5/2009) về việc báo cáo số liệu nhập khẩu và trừ lùi C/O mẫu S đối với hàng có xuất xứ Lào theo hạn ngạch thuế quan.
12. CV số 2540/TCHQ-KTTT (11/5/2009) về việc miễn thuế nguyên liệu nhập khẩu bị cháy không còn giá trị sử dụng.
13. CV số 2564/TCHQ-GSQL (12/5/2009) về việc thủ tục tái xuất khẩu tàu biển bị chìm đắm.
14. CV số 2565/TCHQ-GSQL (12/5/2009) về việc xác nhận Tờ khai nguồn gốc xe nhập khẩu.
15. CV số 2578/TCHQ-GSQL (12/5/2009) về việc địa điểm nhập khẩu và tạm nhập – tái xuất gỗ từ Campuchia.
16. CV số 2625/TCHQ-GSQL (14/5/2009) về việc thực hiện CV số 1833/TCHQ-GSQL (08/4/2009) của TCHQ.
17. CV số 2669/TCHQ-GSQL (15/5/2009) về việc thủ tục hải quan giữa doanh nghiệp nội địa với doanh nghiệp chế xuất.
18. CV số 2459/TCHQ-GSQL (06/5/2009) về việc vướng mắc của doanh nghiệp chế xuất.
19. CV số 2441/TCHQ-KTTT (05/5/2009) về việc hoàn thuế nguyên liệu nhập khẩu.
20. CV số 2432/TCHQ-GSQL (05/5/2009) về việc nhập khẩu máy móc sử dụng cho công trình xây dựng.
21. CV số 2354/TCHQ-GSQL (29/4/2009) về việc hướng dẫn điểm 6.2, 6.4. mục 6 phần A QĐ số 93/2008/QĐ-BTC (29/12/2008) của Bộ Tài chính.
22. CV số 2349/TCHQ-KTTT (28/4/2009) về việc xác nhận được tiếp tục hưởng ưu đãi về thuế nhập khẩu dự án đầu tư.
23. CV số 2327/TCHQ-KTTT (28/4/2009) về việc vướng mắc chứng từ thanh toán trong quá trình hoàn thuế.
24. CV số 2326/TCHQ-KTTT (28/4/2009) về việc thủ tục hải quan đối với thuốc lá điều kinh doanh theo phương thức tạm nhập tái xuất.
25. CV số 2250/TCHQ-GSQL (23/4/2009) về việc vướng mắc thực hiện NĐ số 108/2008/NĐ-CP.
26. CV số 2263/TCHQ-KTTT (24/4/2009) về việc hàng khuyến mại.
27. CV số 2268/TCHQ-GSQL (24/4/2009) về việc tham gia ý kiến vào dự thảo các quy trình thủ tục hải quan.
28. CV số 2387/TCHQ-GSQL (04/5/2009) về việc vướng mắc C/O.

Nếu bạn đọc cần thêm thông tin cũng như có ý kiến đóng góp, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi theo các địa chỉ sau:

Trụ sở chính:

217 Nguyễn Văn Linh, thành phố Đà Nẵng
Tel: (0511)3655886-105 Fax: (0511)3655887
Website: <http://www.aac.com.vn>
E-mail: aac@dng.vnn.vn

Phan Xuân Vạn
Lê Khắc Minh
Nguyễn Trọng Hiếu
Trần Thị Nở

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Biên tập viên

Bản tin này chỉ có giá trị thông tin và tổng hợp. Trong trường hợp áp dụng cụ thể bạn đọc phải căn cứ vào nội dung toàn văn của các văn bản pháp luật tương ứng hoặc sự hướng dẫn của các chuyên gia tư vấn của AAC.

AAC sẵn sàng cung cấp miễn phí các văn bản được nêu trong Bản tin cho các khách hàng thường xuyên của Công ty. Đối với các khách hàng khác, chúng tôi có thể tính một khoản phí để trang trải các chi phí hành chính. Mức phí cụ thể được quy định như sau:

- Nếu đặt mua cả năm: 350.000 đồng (12 số);
- Nếu mua không thường xuyên: 30.000 đồng/số.

Ngoài những thông tin được tóm tắt trên Bản tin định kỳ, nếu bạn đọc nào muốn được cung cấp thêm những thông tin đầy đủ thì mức phí được tính như sau:

- Cung cấp miễn phí đối với bạn đọc đặt mua cả năm trong trường hợp gửi qua Email, còn trường hợp gửi qua Bưu điện hoặc Fax thì mức phí được tính 1.500 đồng/trang;
- Đối với bạn đọc khác được cung cấp trực tiếp tại văn phòng Công ty Kiểm Toán & Kế toán (AAC), giá 2.000 đồng/trang.

Xin vui lòng thông báo ngay những thay đổi liên quan đến địa chỉ liên hệ của bạn để chúng tôi có thể đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của bạn.

